

Bản án số 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2019
V/v Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thủy

Bà Nguyễn Thị Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hạnh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 25/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D; sinh 05/6/1984; địa chỉ: Khối 3, phường Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi N; sinh 10/12/1976; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối 3, phường Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Cộng hòa liên Bang Đức, vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo nội D Đơn khởi kiện, Bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Dtrình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi N đăng ký kết hôn ngày 30/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thiếu trách nhiệm với gia đình. Cuối năm 2007, anh N đi lao động nước ngoài, từ đó đến nay không về, cũng không gửi tiền nuôi con. Một mình chị gồng gánh nuôi con lại không nhận được sự quan tâm nào về tinh thần từ phía anh N, vì vậy chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Bùi N.

Quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Bùi Anh D, sinh ngày 12/4/2007. Chị D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã hai lần thông qua người nhà yêu cầu anh Bùi N cung cấp địa chỉ tại Đức để thực hiện tổng đạt văn bản cho anh nhưng anh N và gia đình anh từ chối cung cấp. Tuy nhiên, anh vẫn trình bày quan điểm như sau: Anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị D vì anh là người có lỗi với vợ, con. Đã 11 năm anh không về nước và cũng không biết lúc nào mới về. Mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại từ trước khi anh đi nước ngoài, nay lại xa cách nên anh không còn tình cảm với chị D. Về con chung: Anh thống nhất giao con chung Bùi Anh Dũng cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu được ly hôn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội D vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D, xử cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Bùi N. Giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh N. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Bùi N đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 28/01/2008, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật TTDS năm 2015,

[1.2] Tòa án đã yêu cầu anh Bùi N cung cấp địa chỉ cụ thể tại nước ngoài

để thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, tổng đạt các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh N không cung cấp địa chỉ nhưng đã trình bày quan điểm đối với yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị D và có yêu cầu được xét xử vắng mặt, ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ, văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị T (mẹ đẻ của anh N) Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội D:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Bùi N đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện, đúng trình tự pháp luật vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên, xuất phát từ sự thiếu quan tâm của anh N đối với gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn chưa được giải quyết thì anh N đi lao động nước ngoài và từ đó đến nay không về nước (11 năm). Anh N bỏ bê mọi trách nhiệm nuôi con, chăm lo gia đình.

HĐXX thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng của chị D và anh N không hạnh phúc, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Anh N không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha suốt 11 năm nay, không quan tâm, chăm sóc gia đình, cũng không biết lúc nào anh mới về. Bản thân anh N cũng thừa nhận không còn tình cảm với chị D. Chị D không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ này.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của chị D và anh N không đạt được mục đích đó.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51);

Như vậy, chị Trần Thị D có quyền được yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và xét tình trạng hôn nhân của chị D, anh N, cần xử cho chị D được ly hôn với anh N, để chị có điều kiện xây dựng cuộc sống mới hạnh phúc hơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Cháu Bùi Anh D, sinh ngày 12/4/2007, hiện đang sinh sống cùng chị D. Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh N đang ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc con chung, nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi dưỡng là đúng quy định. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.4] Về án phí : Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Bùi N.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Anh D, sinh ngày 12/4/2007 cho chị Trần Thị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí : Chị Trần Thị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 001305 ngày 19/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã V, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông